

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sượn;

2. Bà Võ Ngọc Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1992(có mặt).

Địa chỉ: Số 148, tổ 12, ấp Đ, xã T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Dương B, sinh năm 1987(vắng mặt).

Địa chỉ: Số 148, tổ 12, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh B sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2012 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/02/2012.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh B đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vương Tuấn K, sinh ngày 30/5/2013.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và anh B có dấu hiệu có người đàn bà khác bên ngoài. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh B nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 05/2019 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh B. Khi ly hôn: Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tuấn K, yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000đồng, yêu cầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung do không có.

* Phần trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Văn Dương B: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh B.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, giao cháu Tuấn K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S có đơn khởi kiện đối với anh B. Anh B có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị S có đơn xin ly hôn với anh B. Chị S và anh B có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với anh B.

Nguyên nhân chị S xin ly hôn với anh B là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, không có tiếng nói chung, anh B có người phụ nữ khác bên ngoài và Chị đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Đối với anh B, anh không có phương pháp hàn gắn gia đình và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Việc vắng mặt của anh B trong trình giải quyết vụ án mà không có lý do nên xem như anh B từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Xét yêu cầu ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh B là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Tuấn K hiện đang sống cùng chị S. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu K là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị S yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp thực tế nên được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của đại diện Kiểm sát là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp thực tế và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với anh B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[4]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn Dương B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vương Tuấn K, sinh ngày 30/5/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị S phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0003466 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị S đã thực hiện xong.

6. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị S có quyền kháng cáo, riêng anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương